

# CÂU HỎI TIỂU ĐỀ: QUÝ VỊ VÀ CON EM

## MICRO QUESTIONNAIRE: YOU AND YOUR CHILD

### PHẦN A. VẬN ĐỘNG: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION A: MOTOR: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

##### Phân Mô tả

- Các câu hỏi sau đây liên quan đến kỹ năng vận động của con trẻ của bạn. Các kỹ năng đặt theo tuần tự, ví dụ như mục mô tả "chạy" được liệt kê trong danh sách trước mục "nhảy bằng một chân".
- Trong phần này, có dữ kiện cụ thể về kỹ năng vận động của con bạn, đó là, khả năng sử dụng của bàn tay mình, di chuyển xung quanh và độc lập theo **khả năng (hạn)** của tuổi mình.

##### Phân Chi dẫn

- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:

### PHẦN A1. VẬN ĐỘNG: ĐỘ CHÍNH XÁC: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION A1.MOTOR: FINE: SIX TO EIGHT YEARS

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
1. Cầm bút chì một cách chính xác						
2. Viết cách rõ ràng						
3. Đồ theo các từ ngữ và/hoặc mẫu tự một cách dễ dàng						
4. Đánh chữ vào máy tính (nếu có)						
5. Tô màu không lem ra ngoài						
6. Đồ theo các hình phức tạp (ví dụ, hình ngôi sao)						
7. Dùng kéo cắt các ra hình phức tạp (ví dụ, hình ngôi sao)						
8. Buộc dây giày						
9. Thắt nút giày						
10. Thắt nơ buộc đồ						
11. Biết phân biệt bên trái và bên phải						
12. Có tư thế tốt khi viết chữ						

### PHẦN A2. VẬN ĐỘNG: TỔNG QUÁT: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION A2.MOTOR: GROSS: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
13. Nhảy dây						
14. Đi xe đạp không cần bánh xe giữ khỏi ngã (nếu có)						
15. Chạy <b>trời chảy (không ngập ngừng)</b>						
16. Chuyển đổi tốc độ và chiều hướng trong lúc chạy, khi cần						
17. Nhảy <b>chân này sang chân khác</b> (cò)						
18. Kết hợp các <b>(động cơ)</b> chuyển động (ví dụ, đá banh trong lúc chạy)						
19. Thực hiện các động tác phức tạp (ví dụ, nhào lộn chiều ngang)						
20. Nhảy bằng một chân, một cách dễ dàng						

**PHẦN B. XÃ HỘI VÀ TÌNH CẢM: XÃ HỘI: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI****SECTION B.SOCIAL AND EMOTIONAL: SOCIAL: SIX TO EIGHT YEARS****Phần Mô tả**

- Những câu sau đây liên hệ đến kỹ năng xã hội và cảm xúc của con bạn.

**Phần Chỉ dẫn**

- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:

**PHẦN B1: PHÁT TRIỂN VỀ XÃ HỘI****SECTION B1: SOCIAL DEVELOPMENT****Kỹ năng xã hội - mô tả**

- Trong phần này, có dữ kiện cụ thể về các kỹ năng xã hội của con bạn, đó là, cách con của bạn liên hệ đến những người khác và tương tác với họ theo cách xã hội chấp nhận.
- Xin lưu ý rằng các mục trong phần này chứa đựng các dữ kiện áp dụng cho trẻ em trong lứa tuổi từ 6 đến 8 tuổi.

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
21. Hay ưa thích tham gia vào nhiều hoạt động, thay vì <b>hầu như lúc nào</b> chỉ muốn chơi <b>với</b> một hay <b>hai</b> trò chơi <b>mà</b> thôi						
22. Thích chơi các bàn cờ đơn giản (ví dụ, cờ Candy Land)						
23. Thích chơi thẻ bài đơn giản (ví dụ, bài Crazy Eights)						
24. Chia sẻ với người khác, ngay cả khi bị <b>yêu cầu</b> ( <b>kêu</b> )						
25. Thay phiên nhau, ngay cả khi bị <b>yêu cầu</b> ( <b>kêu</b> )						
26. Hợp tác với người khác, ngay cả khi bị <b>yêu cầu</b> ( <b>kêu</b> )						
27. Có một người bạn tốt thân						
28. Hiểu rằng những gì mình ưa thích không nhất thiết là những gì người khác ưa thích						
29. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác						
30. Hiểu biết <b>khoảng cách</b> ( <b>về vùng</b> ) riêng tư						
31. Xin phép trước khi sử dụng cái gì đó không thuộc về mình						
32. Ưa thích chơi chung với những đứa trẻ khác						
33. Có vẻ ưa thích kết bạn						
34. Cư xử đúng cách khi ở nơi công cộng						
35. Chia sẻ ý tưởng và suy nghĩ với những người khác ở nhà						
36. Chia sẻ ý tưởng và suy nghĩ với những người khác trong lớp học (nếu phù hợp theo văn hóa của mình)						
37. Đóng góp vào các cuộc thảo luận trong lớp học (nếu phù hợp theo văn hóa của mình)						

**PHẦN B2. XÃ HỘI VÀ TÌNH CẢM: TÌNH CẢM: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI****SECTION B2. SOCIAL AND EMOTIONAL: EMMOTIONAL: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
38. Bày tỏ cảm xúc cùng một mức độ với những người khác xung quanh mình						
39. Nhận biết cảm xúc của mình						
40. Nhận biết cảm xúc của người khác						
41. Điều hòa cảm xúc của riêng mình						
42. Bày tỏ hãnh diện trong thành tích (nếu thích hợp theo văn hóa của mình)						
43. Ưa thích thử những điều mới						
44. Dựa vào người lớn quan trọng trong cuộc sống của mình,						
45. Thích nhận <b>đóng góp ý kiến (hỏi tiếp)</b> từ người lớn hoặc thầy cô						
46. Thích nhận <b>đóng góp ý kiến (hỏi tiếp)</b> từ bạn bè						

### PHẦN C. NHẬN THỨC: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

### SECTION C. COGNITIVE: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

#### Phần Mô tả

- Các câu hỏi sau đây liên quan đến kỹ năng trí tuệ / nhận thức của trẻ em.
- Phần này chứa đựng dữ kiện về cách thức giao dịch của con trẻ với thế giới xung quanh nó, **khả năng thế nào** nó giải quyết vấn đề và **thế nào khả năng** nó **có thể** nhận ra và truyền đạt tin tức cơ bản.

#### Phần Chỉ dẫn

- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
47. Làm theo sự hướng dẫn, trừ khi tôi cho nó chi tiết rất cụ thể						
48. Có vẻ háo hức học hỏi những kỹ năng mới, và <b>thực ra, hơn thế nữa</b> là trốn tránh chúng						
49. Tham gia vào các hoạt động lý luận cao cấp (ví dụ, chúng ta có thể vượt qua nếu có một trận bão tuyết?)						
50. Đề ra những ý tưởng mới để giải quyết vấn đề						
51. Dự đoán "điều gì sẽ xảy ra tiếp theo" trong một câu chuyện hoặc tình huống đơn giản						
52. Thích vẽ hình						
53. Thích sơn tranh						
54. Biết <b>ngày nào nó</b> là ngày <b>nào</b> trong tuần						
55. Biết xem giờ, bằng cách sử dụng một đồng hồ hoặc đồng hồ điện số						
56. Giải thích cách dùng một <b>số</b> đồ vật nào đó (ví dụ, dùng một cái muỗng để ăn)						
57. Trả lời các câu hỏi "điều gì sẽ xảy ra nếu" (ví dụ, điều gì sẽ xảy ra nếu bạn <b>bỏ</b> quên <b>làm</b> bài tập ở nhà?)						
58. Sử dụng hai hoặc nhiều hình dạng để tạo ra một cái gì đó (ví dụ, sử dụng một hình tam giác và hình vuông để tạo ra một ngôi nhà)						
59. Tìm hình những hình dạng đơn giản ẩn trong các hình						

ảnh (ví dụ, việc tìm kiếm một vòng tròn ẩn trong một hình ảnh của mặt trời)						
60. Gọi tên bốn mùa, <b>theo thứ tự</b>						
61. Gọi tên các ngày trong tuần, theo thứ tự						
62. Gọi tên các tháng trong năm, theo thứ tự						
63. Biết được những chuyện thường xảy ra vào ban đêm (ví dụ, khi đi ngủ)						
64. Biết được những chuyện thường xảy ra trong ban ngày (ví dụ, đi học)						
65. Nhận ra một mô hình phức tạp và tiếp diễn (ví dụ, hình tam giác xanh, hình vuông đỏ, hình tam giác xanh, hình vuông đỏ...)						

66. Hiểu mối quan hệ giữa một phần và toàn bộ (ví dụ, một lát pizza là một phần của toàn bộ pizza)						
67. Hiểu sự bao hàm của <b>một lớp</b> loài (ví dụ, có nhiều hoa hơn chỉ là hoa cúc, vì hoa cúc là một phần của các loài hoa)						
68. Xếp đặt các sự kiện phức tạp theo trình tự (ví dụ, chúng ta đánh răng rồi <b>SAU ĐÓ</b> đi ngủ)						
69. Hiểu tại sao những điều nào đó là khác nhau (ví dụ, một quả táo và <b>một</b> cà rốt <b>một</b> là khác nhau bởi vì cái này là một loại trái cây và cái kia là một loại rau)						
70. Hiểu tại sao những điều nào đó tương tự nhau (ví dụ, con chim và máy bay tương tự nhau vì chúng đều bay)						
71. Hiểu mối quan hệ phức tạp về không gian (ví dụ, bên cạnh, phía bên phải của ...)						
72. Thích làm những thí nghiệm đơn giản (ví dụ, điều gì sẽ xảy ra với bao tay nếu tôi đặt nó trong tủ đông lạnh?)						
73. Nhận biết một đồ vật do cách sử dụng của nó (ví dụ, cái nào bạn sử dụng để ăn?)						
74. Thích bắt chước người khác						
75. Có vẻ như hiểu rằng những người khác có thể có một quan điểm khác với của mình						
76. Có vẻ như hiểu được khái niệm đúng và sai						
77. Hoàn thành công tác mình đã bắt đầu						
78. Kể lại các sự kiện có ý nghĩa theo trình tự						
79. Sử dụng kiến thức <b>đã có sẵn</b> <b>tiền nhiệm</b> của mình trước khi cố gắng giải quyết một vấn đề mới (ví dụ, thời gian vừa qua, khi tôi bị mất đồ chơi của tôi, tôi tìm thấy nó trong phòng khách, vì vậy tôi nên tìm cuốn sách của tôi khắp mọi nơi, không chỉ ở trong phòng của tôi)						
80. Sử dụng các <b>phương pháp chiến lược</b> tự kiểm tra khi cố gắng giải quyết vấn đề (ví dụ, tôi nên ghi nhớ những người nào tôi đã nói chuyện với, để tôi không hỏi họ lần nữa)						
81. Dự đoán "những gì sẽ xảy ra tiếp theo" (ví dụ, khi Joey cho mật quá nhiều vào bánh kếp của mình, anh ấy có thể bị bệnh vì nó)						
82. Kể lại các phần cơ bản của một câu chuyện theo một trình tự hợp lý						
83. Mô tả một mục tiêu ngắn hạn và làm cách nào nó đạt được mục tiêu (ví dụ, mỗi tuần tôi bỏ tiền vào ống heo của tôi, để tôi có thể mua trò chơi video tôi muốn, vào dịp Giáng sinh)						

## PHẦN D. KIẾN THỨC:

### SECTION D. LITERACY:

#### Phần Mô tả

- Các câu hỏi sau đây liên quan đến kỹ năng học tập của con em.
- Phần này chứa dữ kiện về khả năng của trẻ để thực hiện các kỹ năng cơ bản có liên quan đến phát triển học thuật, đó là, khả năng đọc, viết và thực hiện các phép toán cơ bản.

#### Phần Chỉ dẫn

- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:
- **PHẦN D1: KIẾN THỨC: ĐỌC: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI**

**SECTION D1: LITERACY: READING: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
84. Hiểu rằng bản in và hình ảnh là khác nhau						
85. Ưa thích đọc						
86. Hiểu rằng các cuốn sách có tựa đề, tác giả ...						
87. Có lẽ như hiểu được những gì nó đọc						
88. Nhận ra ý tưởng chính của câu chuyện						
89. Hiểu rằng những câu chuyện thường có một khởi đầu và kết thúc						
90. Cố gắng đọc những chữ có phát âm không quen thuộc						
91. Tạo một từ ngữ bằng cách thêm vào hoặc bớt ra từ một từ ngữ khác (ví dụ, "cat" trở thành "hat")						
92. Nhận biết một số từ ngữ thông thường bằng mắt (ví dụ, boy, girl, school...)						
93. Hiểu những âm vị là gì						
94. Nhận định các từ có vần âm (ví dụ, "pool" vần với "drool" nhưng "pool" không vần với "toy" )						
95. Tạo từ có vần âm (ví dụ, con "snake" vần với "bake")						
96. Tạo ra điệp âm (lặp lại âm đầu) (ví dụ, "ten toys tend to tip toward top")						
97. Nhận định được những âm thanh bắt đầu trong một từ (ví dụ, âm thanh đầu tiên trong "car" is "k")						
98. Xóa một phần của một từ ghép (ví dụ, "cowboy" không có "boy" là "cow")						
99. Thay thế âm vị để tạo ra một từ ngữ mới (ví dụ, thay đổi "b" trong từ "bake" với "c", để tạo ra "cake")						
100. Tách ra và đếm các âm tiết trong các từ (ví dụ, "babysitter" có 4 âm tiết)						
101. Tách ra và đếm các âm vị trong các từ (ví dụ, "baby" có 4 âm vị)						
102. Biết sự khác biệt giữa các mẫu tự tương tự nhau (b/d/p/q-m/n/h-k/b-z/s)						
103. Tách ra các từ trong một câu						

**PHẦN D2. KIẾN THỨC: VIẾT: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI**

**SECTION D2.LITERACY: WRITING: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
104. Ưa thích các hoạt động nghệ thuật						
105. Ưa thích viết văn						
106. Viết HẦU HẾT các chữ hoa và chữ thường khi lên sáu tuổi						
107. Viết TẤT CẢ các chữ hoa và chữ thường khi lên tám tuổi						
108. Ghi tên, họ của mình						

109. Tự mình viết những câu đơn giản						
110. Trả lời thơ đơn giản						
111. Viết rõ ràng						
112. Viết báo cáo đơn giản ở trường học						
113. Sử dụng phép chấm câu đơn giản (ví dụ, dấu phẩy, dấu chấm ...)						
114. Đánh vần những từ không quen thuộc						
115. Sử dụng chữ hoa ở đầu câu, khi viết						
116. Cố gắng đánh vần các từ có phát âm không quen thuộc,						

**PHẦN D3. KIẾN THỨC: TOÁN HỌC: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI**

**SECTION D3. LITERACY: MATH: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
117. Đếm lên đến 200						
118. Đếm lên từ một số khác hơn 1 hoặc 0 (ví dụ, đếm từ 5 đến 9)						
119. Đếm ngược từ 20						
120. Làm tính cộng đơn giản trong trí (ví dụ, biết rằng hai cộng hai là bốn, mà không sử dụng các đồ vật để đếm)						
121. Nhận ra số nào là nhỏ nhất trong năm số						
122. Nhận ra số nào là lớn nhất trong năm số						
123. Biết số nào đến sau một số đơn khác (ví dụ, số nào đến sau số 8)						
124. Biết số nào đến trước một số đơn khác (ví dụ, số nào đến trước số 8)						
125. Nhận ra nhóm nào trong hai nhóm có số món vật nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau						
126. Hiểu được <b>số bằng nhau</b> " <b>đồng số</b> " nghĩa là gì						
127. Dùng những từ mô tả thứ tự (ví dụ, thứ nhất, thứ nhì, thứ ba...)						
128. Hiểu được sự khác biệt giữa các số chẵn và lẻ						
129. Làm các phép toán cộng đơn giản						
130. Làm các phép toán trừ đơn giản						
131. Nhận biết các hình dạng phức tạp (ví dụ, hình bán nguyệt, hình thang, hình lục giác ...)						

**PHẦN E. NGÔN NGỮ:**

**SECTION E: LANGUAGE**

**Phần Mô tả**

- Những câu sau đây đề cập đến ngôn ngữ của trẻ và kỹ năng giao tiếp.
- Phần này được chia thành 4 phần nhỏ: ngôn ngữ lĩnh hội, ngôn ngữ **diễn đạt** **biểu cảm**, nói năng và ngữ dụng
- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi.

**PHẦN E1: NGÔN NGỮ: LĨNH HỘI: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI**

**SECTION E1: LANGUAGE RECEPTIVE: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đưa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
132. Sờ hữu ít nhất 4000 ngữ vựng						
133. Theo chỉ dẫn có bốn phần hoặc nhiều hơn (ví dụ, vào phòng của bạn, lấy đồ chơi, đặt nó trong hộp của nó, và đem nó đến nhà của hàng xóm)						
134. Hiểu câu nói tượng hình đơn giản (ví dụ, đèn giờ để lên đường)						
135. Hiểu được số nhiều thường (ví dụ, boys)						
136. Hiểu được số nhiều bất thường (ví dụ, mice)						
137. Hiểu được thì quá khứ thường (ví dụ, she walked)						
138. Hiểu được thì quá khứ bất thường (ví dụ, he ate his food)						

**PHẦN E2. NGÔN NGỮ: DIỄN ĐẠT CẢM: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI**

**SECTION E2. LANGUAGE: EXPRESSIVE: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE**

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đưa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
139. Sử dụng thành ngữ "nếu .. thì" <b>câu tiếp theo</b> (ví dụ, nếu bạn mua cho tôi đồ chơi này, thì tôi sẽ dọn dẹp phòng của tôi)						
140. Giải thích những ý tưởng của mình theo nhiều cách						
141. Ra các chỉ dẫn đơn giản (ví dụ, bạn phải đặt nó ở đây)						
142. Có vẻ như học các từ mới mỗi ngày						
143. Sử dụng cách nói tượng hình (ví dụ, tôi khỏe như ngựa)						
144. Sử dụng các thể thụ động (ví dụ, the mouse was chased by the cat) (con chuột bị rượt bởi con mèo)						
145. Đặt câu hỏi với chữ "what" " <b>cái gì</b> " (ví dụ, what's for dinner? (Có gì để ăn tối?))						
146. Đặt câu hỏi với chữ "where" " <b>ở đâu</b> " (ví dụ, where is my backpack?) (balô của tôi ở đâu?)						
147. Đặt câu hỏi với chữ "when" " <b>khi nào</b> " (ví dụ, when is my lunch going to be ready?) (khi nào có đồ ăn trưa của tôi?)						
148. Đặt câu hỏi với chữ "who" " <b>ai</b> " (ví dụ, who will take me to school today?) (hôm nay ai sẽ đưa tôi đến trường?)						
149. Đặt câu hỏi với chữ "how" " <b>làm sao</b> " (ví dụ, how do you make cookies?) (làm sao bạn làm bánh cookies?)						
150. Đặt câu hỏi với chữ "what if" " <b>nếu</b> " (ví dụ, what if you want an apple and there are no apples in the house?)						
151. Sử dụng những câu ghép (ví dụ, Tôi tưởng rằng tôi đã có nó nhưng hóa ra tôi không có)						
152. <b>153</b> Sử dụng thì quá khứ bất thường ( ví dụ, I slept well last night)						
153. <b>152</b> Sử dụng thì quá khứ thường ( ví dụ, I walked all the way to the store and back) (tôi đã đi đến cửa tiệm và trở về)						
154. Sử dụng các từ để mô tả người ta (ví dụ, he is nice,						



she is tall...) (anh ấy tốt, cô ấy cao ...)						
155. Sử dụng các từ để mô tả sự việc (ví dụ, it was great, it was boring...) (nó tuyệt hay, nó buồn chán ...)						
156. Đặt câu hỏi để làm sáng tỏ ra (ví dụ, bạn có ý nói gì?)						
157. Sử dụng số nhiều thường (ví dụ, I like playing games with you) (tôi thích chơi trò chơi với bạn)						
158. Sử dụng số nhiều bất thường (so far, I've lost two baby teeth) (cho đến nay, tôi đã mất hai răng sữa)						
159. Sử dụng thì quá khứ bất thường (ví dụ, I slept well last night) (tôi cũng ngủ ngon tối qua)						

### PHẦN E3. NGÔN NGỮ: NGỮ DỤNG: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION E3. LANGUAGE PRAGMATICS: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
160. Giữ giọng nói đúng mức độ, tùy thuộc vào tình hình (ví dụ, mức độ giọng nói bên trong so với ở ngoài đường)						
161. Chú tâm vào chủ đề, khi trò chuyện với những người khác (ví dụ, nếu cuộc thảo luận là về khủng long, không đột nhiên bắt đầu nói chuyện về xe)						
162. Thay đổi chủ đề trò chuyện theo người khác mong muốn hơn là khư khư nói về chủ đề mình mong muốn						
163. Đợi đến lượt của mình, khi trò chuyện với người khác và cứ ngắt lời họ						
164. Bắt đầu cuộc đối thoại đúng cách						
165. Kết thúc cuộc đối thoại đúng cách						
166. Nhìn vào mắt khi trò chuyện với khác (trừ khi không thích hợp trong văn hóa của mình)						
167. Giữ một khoảng cách thoải mái với người khác, khi trò chuyện với họ (trừ khi không thích hợp trong văn hóa của mình)						

### PHẦN E4. NGÔN NGỮ: NÓI NĂNG: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION E 4. LANGUAGE ARTICULATION: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đứa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
168. Phát âm <i>tất cả</i> các mẫu tự đúng cách						
169. Phát âm <i>tất cả</i> các mẫu tự kết hợp đúng cách (ví dụ, "sh")						

### PHẦN F. THÍCH ỨNG: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

#### SECTION F.ADAPTIVE: SIX TO EIGHT YEARS OF AGE

##### Phần Mô tả

- Phần sau đây chứa đựng những dữ kiện về các kỹ năng tự trợ của con bạn hoặc là làm thế nào nó tự chăm sóc chính mình.
- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đưa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
170. Biết mặc quần áo nào, tùy vào thời tiết						
171. Tự cởi quần áo						
172. Tự mặc quần áo						
173. Tự tìm nhà vệ sinh công cộng thích hợp						
174. Tự tắm rửa						
175. Tự cầm muỗng, nĩa và dao (hoặc đũa) đúng cách						
176. Phụ giúp chuẩn bị thức ăn đơn giản (ví dụ, trộn bột làm bánh)						
177. Tự kêu một bữa ăn đơn giản cho mình trong một nhà hàng						

## PHẦN G. TRUYỀN ĐẠT CẢM GIÁC BIẾN / NHẠY CẢM: SÁU ĐẾN TÁM TUỔI

### SECTION G: SENSORY PROCESSING/SENSITIVITY

#### Phần Mô tả

- Phần sau đây chứa đựng những dữ kiện về các kỹ năng về sự truyền đạt cảm giác biến của con bạn

#### Phần Chỉ dẫn

- Xin cho biết bạn đồng ý bao nhiêu với những câu này bằng cách đánh dấu vào một trong các ô trống của mỗi câu hỏi:

Tôi có (rất nhiều / phần nào / chút ít, không) quan tâm về đưa con trẻ (6-8 tuổi) của tôi không

	Rất nhiều	Phần nào	Chút ít	Không quan tâm	Không chắc	Không áp dụng
178. Dường như cảm thấy đủ khi được thấy lên và xuống						
179. Dường như cảm thấy đủ khi được đong đưa qua lại						
180. Dường như cảm thấy đủ khi chơi mạnh sức và nhào lộn						
181. Dường như có sự cân bằng tốt và thường xuyên bị vấp hoặc có vẻ như vụng về						
182. Ưa thích được rờ hoặc ôm ấp						
183. Kèm giữ tay mình và liên tục rờ đến người khác						
184. Ưa thích thân thể mình được đụng vào các loại vải nhất định (ví dụ, vải len)						
185. Đôi khi có vẻ như nghe được						
186. Dường như không nghe được tất cả, mặc dù tai của nó nghe được						
187. Dường như bị làm phiền bởi tiếng động cực lớn						
188. Chịu đựng được (và cực kỳ đau đờn bởi) tiếng ồn thông thường, chẳng hạn như máy hút bụi hoặc tiếng còi xe cứu thương						
189. Ưa thích nhìn vào những màu sắc nhất định, mặc dầu thị giác của nó có khả năng vẫn tốt						
190. Ưa thích nhìn vào các kiểu mẫu nhất định, nhưng thị giác của nó có khả năng vẫn tốt						
191. Dường như chịu đựng được một số kết cấu thực phẩm nhất định (missing 1 questionnaire)						

191. 192. Dường như chán ngán thực phẩm nhất định (ví dụ, thức ăn giòn)						
192. 193. Dường như chịu đựng một số mùi hôi						
193. 194. Dường như Thích sơn bằng ngón tay						
194. 195. Thích chơi nắn bột hoặc đất sét						
195. 196. Thích chơi giải đáp câu đố						
196. 197. Dường như ưa thích bữa bãi						
Thích nhìn vào mắt người khác (trừ khi không thích hợp trong văn hóa của bạn)						
198. Thích nhìn vào mắt người khác (trừ khi không thích hợp trong văn hóa của bạn)						
199. Thích tham dự vào các vận động tổng quát (ví dụ, chạy, nhảy...)						
200. Biết sự khác biệt giữa phía bên phải và trái của cơ thể mình						
201. Thích tham gia vào các hoạt động thể thao						
202. Có tư thế tốt khi viết						
203. Có tư thế tốt khi đọc						

204. Cầm viết chì đúng cách, mà lại cầm nó một cách quá chặt hoặc quá uể oải						
205. Gài nút lớn và nhỏ						
206. Bóp chặt khóa						
207. Ưa thích khi có thay đổi trong các việc thường lệ						
208. Dường như <b>không</b> kiên nhẫn nhưng lại nổi bực cách dễ dàng						
209. Đồng đưa theo điệu nhạc						

**PHẦN H: câu hỏi cho các chuyên gia**

**Section H: questions for professionals**

Trong phần này, chúng tôi đã soạn ra các câu hỏi có thể giúp bạn nói ra những quan tâm về sự phát triển của con bạn, cho các chuyên gia thích hợp (ví dụ, bác sĩ nhi khoa, Bác sĩ tổng quát, y tá công cộng ...):

CON CỦA TÔI (xin đánh dấu vào các câu nào áp dụng cho con của bạn):

... thấy khó khăn để bày tỏ nhu cầu của mình , qua ngôn ngữ	
... con tôi dường như không biết nhiều ngữ vựng như những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi	
... Dường như không vui thích chơi (và đôi khi kháng cự) trò chơi chữ có vần âm	
... Dường như không vui thích chơi (và đôi khi kháng cự) trò chơi chữ điệp âm (bắt đầu cùng mẫu tự)	
... Dường như không vui thích chơi (và đôi khi kháng cự) trò chơi chữ phối hợp	
... Dường như không vui thích chơi (và đôi khi kháng cự) trò chơi phân khúc	
... Dường như không vui thích nghe (và đôi khi kháng cự) kể chuyện	
... Dường như không nhớ một số chi tiết trong câu chuyện hay sự việc	
... Dường như không vui thích kể lại (và đôi khi kháng cự) câu chuyện hoặc sự việc	
... không biết sự khác biệt giữa bản in và hình ảnh	
... không biết sự khác biệt giữa mẫu tự và số	
... không thích (và đôi khi kháng cự) viết	
... không có vẻ tò mò về in ấn và tài liệu in ấn	
... dường như không hiểu những gì người khác đang nói với nó	
... gặp khó khăn khi đọc từ ngữ mới	
... gặp khó khăn khi đánh vần từ ngữ mới	
... Dường như gặp khó khăn khi đọc chữ	
... Dường như gặp khó khăn khi đánh vần	

## PHẦN I: Tôi đang có khuyến khích sự phát triển của con tôi

### Am I fostering my child's development

Phần này chứa dữ kiện có thể giúp bạn khuyến khích sự phát triển của trẻ con.

Hãy đánh dấu tất cả các câu áp dụng cho bạn và nếu hầu hết các câu sau đây áp dụng cho bạn và gia đình của bạn, rất có thể bạn có!

1. Con tôi có vài hoặc nhiều sách	
2. Có rất nhiều tài liệu in trong nhà của chúng tôi	
3. Con tôi có viết chì, viết màu, và nhiều giấy để viết và vẽ	
4. Tôi đọc cho con tôi hầu như mỗi ngày	
5. Tôi kể chuyện trước khi đi ngủ, hoặc chuyện tổng quát cho con tôi, một vài lần mỗi tuần	
6. Tôi chỉ ra mẫu tự, số, bản hiệu cho con tôi, khi ở trong xe hoặc khi dạo quanh khu phố	
7. Tôi thường trưng bày tác phẩm nghệ thuật của con tôi trong nhà, nơi nó có thể nhìn thấy (rất quan trọng cho sự khuếch trương lòng tự <b>tin trọng</b> của trẻ em)	
8. Tôi dạy con của tôi vài chữ mới mỗi tuần	
9. Tôi chơi một hoặc nhiều trò chơi với con của tôi mỗi tuần:	
a. trò chơi "vần âm" (ví dụ như những gì vần âm với "book"?)	
b. trò chơi chữ "đồng âm" (ví dụ như. <u>S</u> usie <u>s</u> at <u>s</u> till)	
c. trò chơi "phối hợp" (ví dụ như c -a -t tạo ra chữ gì?)	
d. trò chơi "phân khúc" với con tôi mỗi tuần (ví dụ như những âm nào bạn nghe trong chữ "cow"?)	
e. trò chơi "Thay âm" (ví dụ như, lấy "t" ra khỏi chữ "toy" và thay "b" vào để có chữ "boy")	
10. Tôi kêu con tôi kể chuyện cho tôi nghe	
11. Khi tôi hỏi con tôi một câu hỏi, tôi thường hỏi chi tiết	
12. Tôi dạy con tôi nhận ra một số từ ngữ, bằng mắt	
13. Con tôi thường xem tôi đọc	